|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP****VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-BNN-KL | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

DỰ THẢO

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình công tác năm 2023, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP (Dự thảo Nghị định) như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

## 1. Cơ sở pháp lý

Ngày 15/11/2017, Quốc hội khóa XIV đã ban hành Luật Lâm nghiệp có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2019. Luật Lâm nghiệp giao Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung, cụ thể như sau:

a) Khoản 2 Điều 38: Chính phủ quy định Danh mục và chế độ quản lý, bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; trình tự, thủ tục khai thác các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và các loài thực vật rừng hoang dã, động vật rừng hoang dã thuộc Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

b) Khoản 2 Điều 49: Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp phép trồng cấy nhân tạo và gây nuôi các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; các loài thực vật rừng, động vật rừng thuộc Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật thực vật hoang dã nguy cấp; loài động vật rừng thông thường.

c) Điểm e Khoản 1 Điều 72: Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sau: Cấp giấy phép, giấy chứng nhận đối với lâm sản xuất khẩu, nhập khẩu phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (điểm c Khoản 1 Điều 72); Xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng vì mục đích thương mại (điểm d Khoản 1).

d) Việt Nam tham gia Công ước CITES vào năm 1994. Căn cứ Điều 12 của Hiến pháp năm 2013, Việt Nam “*tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*”. Hiện nay, Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (Nghị định 06) và Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06 (Nghị định 84) cơ bản đã nội luật đầy đủ các quy định của CITES như Điều III, IV, V của Công ước quy định về thương mại quốc tế mẫu vật Phụ lục I, II và III; Điều VI về giấy phép; Điều IX về Cơ quan quản lý, Cơ quan khoa học CITES, Nghị quyết 10.16 về quản lý mẫu vật sinh sản nhân tạo, Nghị quyết 12.10 về đăng ký nuôi sinh sản các loài Phụ lục I vì mục đích thương mại. Tuy nhiên, vẫn còn một số quy định của CITES tại nội dung Công ước và các Nghị quyết, Quyết định của CITES vẫn chưa được nội luật hoặc đã nội luật nhưng chưa đầy đủ, dẫn đến còn nhiều cách hiểu khác nhau trong thực tiễn như Điều VII quy định về các trường hợp miễn trừ và các quy định đặc biệt khác liên quan đến buôn bán, Điều X về buôn bán với quốc gia không phải thành viên Công ước, Nghị quyết 13.6 về thực thi khoản 2 Điều VII của Công ước về mẫu vật “tiền công ước”, Nghị quyết 12.3 về Giấy phép và Chứng chỉ, Nghị quyết 11.3 về Tuân thủ và thực thi.

e) Nghị định mới nếu được ban hành sẽ thay thế Nghị định 06 và Nghị định 84. Những phạm vi điều chỉnh mà dự thảo Nghị định được xây dựng, ban hành, sẽ đảm bảo thực thi hiệu quả, đầy đủ các quy định của Luật Lâm nghiệp và Công ước CITES tại Việt Nam.

**2. Cơ sở thực tiễn**

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổng kết việc thực hiện Nghị định 06, Nghị định 84 trên thực tiễn, cụ thể như sau:

 ***2.1. Một số khái niệm chưa đầy đủ hoặc chưa rõ nội dung dẫn đến khó khăn trong thực thi***

 - Quy định về danh mục loài thuộc Phụ lục CITES chưa đầy đủ, dẫn đến việc thực hiện gặp khó khăn.

 - Chưa quy định giải thích thuật ngữ về động vật rừng và danh mục động vật rừng thông thường trong khi Luật lâm nghiệp giao Chính phủ quy định chế độ quản lý việc gây nuôi, khai thác, vận chuyển và thương mại động vật rừng thông thường nên gặp nhiều khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

- Thuật ngữ động vật hoang dã, mẫu vật tiền công ước còn phức tạp, gây khó khăn trong cách hiểu và áp dụng.

- Thiếu giải thích thuật ngữ về Khai thác trong khu vực bị cấm; Khai thác vào thời gian bị cấm; Sử dụng công cụ, phương tiên bị cấm.

 ***2.2. Về chế độ quản lý các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và loài thuộc CITES***

a) Chưa có tiêu chí sửa đổi, bổ sung và trình tự thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.

 b) Chế độ quản lý về khai thác, gây nuôi, trồng cấy nhân tạo thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES

- Chưa quy định cụ thể nội dung về trình tự, thủ tục khai thác đối với với các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục CITES có nguồn gốc từ tự nhiên và cơ sở trồng cấy nhân tạo, vườn nhà, cây phân tán, gây khó khăn, lúng túng cho các cơ quan quản lý và tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện.

 - Về điều kiện gây nuôi mẫu vật thuộc Phụ lục CITES còn gây khó khăn trong thực hiện hoặc chưa phù hợp với thực tiễn như quy định việc gây nuôi loài động vật lần đầu tiên tại cơ sở nuôi phải có xác nhận của cơ quan khoa học gây khó khăn và tốn kém kém thời gian, chi phí thực hiện cho cơ sở nuôi, cơ quan khoa học; hoặc quy định về điều kiện chuồng trại phù hợp với đặc tính của loài nuôi chưa được cụ thể hóa, dẫn tới các tổ chức, cá nhân gây nuôi và cơ quan quản lý nhà nước lúng túng trong quá trình thực hiện.

 - Đối với quy định về mã số cơ sở nuôi còn thiếu quy trình, thủ tục cấp đổi, cấp lại mã số; xử lý đối với trường hợp chủ cơ sở nuôi, trồng đã được cấp mã số thay đổi địa điểm nuôi, trồng; thời hạn hiệu lực của mã số.

c) Chế độ quản lý về thương mại mẫu vật các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES và thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm

- Các quy định về điều kiện xuất khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES và xuất khẩu mẫu vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm chưa phù hợp với thực tiễn do ngoài việc kiểm tra giấy phép CITES xuất khẩu, tái xuất khẩu của tổ chức, cá nhân, cơ quan hải quan phải xác định nguồn gốc của mẫu vật xuất khẩu, tái xuất khẩu, kiểm tra mã số cơ sở nuôi, trồng. Các quy định này gây tốn kém thời gian, nguồn lực của cơ quan hải quan và tổ chức, cá nhân trong quá trình thông quan xuất khẩu, tái xuất khẩu.

- Việc quản lý chế biến, kinh doanh của tổ chức, cá nhân cũng chưa được quy định đầy đủ, thiếu quy định việc chế biến, kinh doanh, quảng cáo, trưng bày đối với các loài thực vật thuộc Phụ lục II CITES có nguồn gốc từ cơ sở trồng cấy nhân tạo.

d) Về một số vấn đề khác:

- Chưa đồng bộ, thống nhất với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác như: Nghị định số 06 và Nghị định số 84 chưa quy định mùa sinh sản của loài, quản lý phương tiện săn bắn...), trong khi Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã quy định xử lý vi phạm.

- Một số quy định hiện hành còn chưa phù hợp với thực tiễn, như việc giao cơ quan kiểm lâm bảo quản, chăm sóc mẫu vật sống sau xử lý tịch thu, trong khi việc nuôi, chăm sóc, bảo quản mẫu vật sống gây nhiều khó khăn cho cơ quan kiểm lâm do không đủ điều kiện về cơ sở vật chất, chuồng trại, kỹ thuật.

 - Thiếu quy định về quản lý, thành lập các cơ sở cứu hộ, bảo tồn, trưng bày, sưu tập, nghiên cứu khoa học thực vật hoang dã, động vật hoang dã và các quy định về mẫu vật sống sau xử lý bị bệnh, bị chết trong quá trình nuôi.

 ***2.3. Về cấp phép CITES***

 a) Quy định về cấp giấy phép xuất khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES và xuất khẩu mẫu vật thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm

 - Nghị định số 06 và Nghị định số 84 chưa quy định cụ thể thành phần hồ sơ tổ chức, cá nhân phải nộp khi đề nghị cấp giấy phép CITES xuất khẩu, tái xuất khẩu. Hai Nghị định này cũng chưa quy định rõ các trường hợp cần tham vấn cơ quan khoa học CITES Việt Nam, cơ quan có liên quan của nước nhập khẩu và trình tự thực hiện tham vấn, gây ra sự thiếu thống nhất trong áp dụng quy định trên thực tiễn.

 b) Quy định về cấp giấy phép nhập khẩu mẫu vật động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES

 Các quy định về cấp giấy phép CITES nhập khẩu mẫu vật động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES đã gây ra nhiều khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng. Cụ thể, việc quy định cấp giấy phép CITES nhập khẩu đối với mẫu vật tiền công ước chưa phù hợp với quy định của Công ước CITES (theo quy định của CITES, mẫu vật tiền công ước thuộc trường hợp được miễn trừ giấy phép CITES). Ngoài ra, tại quy định về cấp giấy phép nhập khẩu Nghị định số 06 và Nghị định số 84 cũng chưa quy định rõ các trường hợp cần tham vấn cơ quan khoa học CITES Việt Nam, cơ quan có liên quan của nước nhập khẩu và trình tự thực hiện tham vấn, gây ra sự thiếu thống nhất trong áp dụng quy định trên thực tiễn.

 c) Quy định về quản lý giấy phép: thu hồi, từ chối, dừng cấp phép, cấp đổi, cấp thay thế, hoàn trả giấy phép, chứng chỉ CITES

 - Nghị định số 06 và Nghị định số 84 chưa quy định về các trường hợp dừng cấp phép, cấp đổi, cấp thay thế giấy phép CITES, mặc dù trên thực tiễn vẫn có những trường hợp này xảy ra do vậy gây khó khăn cho các cơ quan quản lý và tổ chức, cá nhân.

 - Về thu hồi, từ chối cấp phép chưa được quy định cụ thể về cách thức thực hiện thu hồi, thu hồi đối với giấy phép đã sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hay thu hồi đối với toàn bộ các giấy phép còn hiệu lực của doanh nghiệp; việc quy định từ chối cấp giấy phép đối với trường hợp tổ chức, cá nhân không thực hiện nghĩa vụ nộp trả giấy phép đã hết hiệu lực cũng chưa phù hợp với thực tiễn.

 - Thiếu quy định về các trường hợp miễn trừ giấy phép CITES theo quy định của Công ước như miễn trừ giấy phép CITES đối với mẫu vật tiền công ước, mẫu vật là vật dụng hộ gia đình, cá nhân.

 ***2.4. Về thực thi CITES***

 a) Quy định về chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam

 Quy định về chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam chưa đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ với các quy định tại Nghị định số 06 và chưa nội luật đầy đủ quy định của CITES như chưa quy định chức năng, nhiệm vụ từ chối cấp giấy phép, chứng chỉ CITES; chưa quy định nhiệm vụ xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về buôn bán mẫu vật động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES, xây dựng báo cáo quốc gia về thực thi CITES.

 b) Về chỉ định và nhiệm vụ của Cơ quan khoa học CITES Việt Nam

 - Chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan khoa học CITES Việt Nam quy định chưa đồng bộ, thống nhất với nội dung của Nghị định như nhiệm vụ tư vấn cho cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam, các cơ quan quản lý liên quan về Công bố danh mục các loài có khả năng gây nuôi sinh sản vì mục đích thương mại, tuy nhiên tại Nghị định không quy định thẩm quyền công bố danh mục này của cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam hoặc cơ quan quản lý liên quan khác.

 - Nghị định số 06 thiếu quy định về chế độ trao đổi thông tin giữa Cơ quan khoa học CITES Việt Nam đối với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, dẫn tới nhiều thông tin chưa được tổng hợp, báo cáo Ban Thư ký CITES và các cấp thẩm quyền kịp thời.

 c) Trách nhiệm của các cơ quan quản lý chuyên ngành trong thực thi CITES

 Nghị định số 06 thiếu các quy định cụ thể về trách nhiệm của từng cơ quan quản lý chuyên ngành trong việc triển khai thực thi CITES tại Việt Nam, dẫn đến việc thiếu thống nhất, đồng bộ trong việc triển khai thực quy định của Nghị định.

 d) Quy định về phối hợp thực thi CITES

 Nghị định số 06 chưa quy định cụ thể về việc phối hợp giữa các cơ quan thực thi, cơ quan quản lý, cơ quan khoa học trong việc thực thi CITES tại Việt Nam, dẫn đến việc thực thi các quy định đạt hiệu quả chưa cao

 e) Quy định về chế độ báo cáo của các cơ quan thực thi, cơ quan khoa học CITES

Nghị định 06 thiếu các quy định cụ thể về chế độ báo cáo kết quả các các cơ quan thực thi và cơ quan khoa học CITES, dẫn đến việc xử lý thông tin, báo cáo Ban Thư ký CITES và cấp thẩm quyền chưa đảm bảo tính kịp thời, đầy đủ; đồng thời việc chưa có quy định về chế độ báo cáo đã làm hạn chế trong xây dựng báo cáo thực thi CITES tại Việt Nam theo yêu cầu của CITES do chưa đảm bảo tính toàn diện, đầy đủ, chưa phản ánh được toàn bộ nỗ lực thực thi của các lực lượng, các cấp, các ngành tại Việt Nam.

  ***2.5. Bất cập trong phân cấp, phân quyền quản lý***

- Nghị định 06 đang phân quyền quản lý hoạt động nuôi, trồng, khai thác, chế biến, kinh doanh, quảng cáo, trưng bày, vận chuyển, cất giữ đến các Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh. Tuy nhiên, trên thực tế Chi cục Kiểm lâm là đơn vị tiếp nhận, kiểm tra, xác thực cơ sở nuôi, trồng và cấp mã số, ngoài ra còn phải đảm nhiệm các nhiệm vụ chuyên môn khác nên việc hậu kiểm còn hạn chế. Trong khi đó, Hạt Kiểm lâm là cơ quan thực thi pháp luật về lâm nghiệp ở cấp huyện, thành phố nhưng không được giao thẩm quyền kiểm tra, giám sát; thẩm quyền quản lý, kiểm tra các cơ sở nuôi, trồng các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm gây khó khăn, bất cập trong công tác quản lý về lĩnh vực này tại địa phương.

- Đối với việc cấp mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục I CITES do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam có trách nhiệm thực hiện. Tuy nhiên, việc thực hiện quy định này cũng phát sinh chi phí, thời gian thực hiện của tổ chức cá nhân; trong khi đó, hiện nay các cơ sở hoạt động gây nuôi thương mại trong nước do cơ quan kiểm lâm, Cơ quan thuỷ sản địa phương quản lý, giám sát.

- Nghị định số 06 quy định thẩm quyền cấp chứng chỉ mẫu vật xuất khẩu lưu niệm là Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam chưa phù hợp với thực tiễn do hiện các cơ sở sản xuất, bán các sản phẩm lưu niệm tại các địa phương do cơ quan kiểm lâm quản lý, giám sát. Việc quy định cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam cấp chứng chỉ này cũng phát sinh các chi phí, thời gian thực hiện của các tổ chức, cá nhân liên quan.

***2.6. Về các Phụ lục, mẫu biểu***

- Về sổ theo dõi hoạt động gây nuôi, trồng cấy nhân tạo có nhiều nội dung phức tạp, không phù hợp với thực tiễn, có nhiều loại sổ dẫn tới nhầm lẫn, lúng túng cho các cơ sở nuôi trong quá trình thực hiện kê khai đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng và trong quá trình nuôi, trồng.

- Phương án khai thác, phương án gây nuôi, trồng cấy có nhiều nội dung phức tạp, không cần thiết, như thông tin về năng lực sản xuất trước đây của cơ sở vì khi nhập động vật hoang dã về trại, chủ cơ sở nuôi phải thực hiện khai báo ngay với cơ quan kiểm lâm hoặc thủy sản và thực hiện các thủ tục để cấp mã số cơ sở nuôi theo quy định.

- Nghị định số 84 quy định Mẫu mã số cơ sở nuôi trồng nhưng chưa đưa ra một mẫu chuẩn mã số cơ sở nuôi, trồng mà chỉ đưa ra hướng dẫn về quy cách mã số và các thông tin cần có tại mã số.

 Với những lý do trên, việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP là cần thiết nhằm đảm bảo phù hợp với những quy định của Luật lâm nghiệp, đảm bảo yêu cầu của công tác quản lý, đảm bảo tính khả thi và hài hòa với yêu cầu của Công ước CITES.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

**1. Mục đích**

Dự thảo Nghị định được xây dựng nhằm mục đích sau đây:

- Tạo ra sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống văn bản pháp luật.

- Khắc phục những vấn đề không phù hợp với thực tiễn, gây ra vướng mắc, bất cập làm cản trở đến hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

**2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định**

Dự thảo Nghị định được xây dựng trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo sau đây:

***Thứ nhất:*** phải hợp Hiến, hợp pháp, đảm bảo thực hiện Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

***Thứ hai:*** kế thừa những nội dung còn phù hợp của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 và Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021, đồng thời khắc phục những tồn tại, bất cập; bổ sung những quy định mới phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực tiễn quản lý; có tính khả thi cao, tránh sự chồng chéo, thiếu thống nhất.

***Thứ ba:*** Tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương trong việc quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực vật rừng, động vật rừng hoang dã thuộc các Phụ lục CITES; gắn quyền, lợi ích hợp pháp và trách nhiệm của người dân địa phương khi tham gia.

***Thứ tư:*** Bảo đảm đơn giản hoá thủ tục hành chính, quy định rõ các điều kiện đầu tư, kinh doanh, cắt giảm tối đa thời gian cấp các loại giấy phép, chứng chỉ.

***Thứ năm:*** Bảm đảo tính khả thi của Dự thảo Nghị định, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và nhận thức, ý thức pháp luật của tổ chức, cá nhân trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Quá trình soạn thảo Dự thảo Nghị định đã thực hiện đúng quy trình theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, cụ thể:

- Ngày 30/12/2022, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 5197/QĐ-BNN-PC ban hành Kế hoạch xây dựng Nghị định quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

- Ngày 16/02/2023, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Văn bản số 791/BNN-TCLN về việc cử đại diện tham gia thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Nghị định quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

- Ngày 28/3/2023, Bộ trưởng Bộ NNPTNT ban hành Quyết định số Quyết định số 1131/QĐ-BNN-TCLN về thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Nghị định về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp

- Ngày …./7/2023, đăng tải dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để lấy ý kiến góp ý rộng rãi các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và đối tượng chịu tác động của Nghị định; gửi hồ sơ Nghị định để lấy ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương tại Văn bản số …./BNN-TCLN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Tính đến ngày …/10/2023, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đãnhận được … văn bản góp ý, trong đó: … Bộ và cơ quan ngang Bộ, .. Ủy bannhân dân tỉnh, …đơn vị trực thuộc Bộ, … Sở Nông nghiệp và Phát triển nôngthôn, … Chi cục Kiểm lâm, … tổ chức khác.

- Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân (Văn bản số …../BNN-TCLN ngày / /2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia góp ý đối với dự thảo Nghị định).

- Ngày …./10/2023, gửi hồ sơ đến Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định (Văn bản số …./BNN-TCLN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị định).

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nghiên cứu, giải trình, tiếp thu và hoàn thiện nội dung Dự thảo Nghị định để trình Chính phủ.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

**1. Bố cục**

Dự thảo Nghị định gồm 05 Điều như sau:

- Điều 1: gồm 40 khoản, quy định quy định những nội dung sửa đổi, bổ sung 31 Điều của Nghị định 06, 12 khoản tại Điều 1 Nghị định số 84, bổ sung 13 Điều mới và các biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 06.

- Điều 2: Bãi bõ 03 điều, 01 khoản của Nghị định số 06.

##### - Điều 3: quy định về nội dung chuyển tiếp.

##### - Điều 4: quy định về hiệu lực thi hành.

##### - Điều 5: quy định về trách nhiệm thi hành.

**2. Nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị định**

##### ***2.1. Nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06 tại Điều 1 của dự thảo Nghị định, cụ thể:***

a) Khoản 1 quy định sửa đổi Đối tượng áp dụng để dễ hiểu, dễ áp dụng hơn.

b) Khoản 2 quy định sửa đổi hầu hết thuật ngữ tại Điều 3 Nghị định số 06 và khoản 2, khoản 3, khoản 4 Nghị định số 84/2021/NĐ-CP như thuật ngữ Phụ lục CITES, mẫu vật tiền công ước và bổ sung một số thuật ngữ mới như khai thác trong khu vực bị cấm, khai thác vào thời gian bị cấm nhằm áp dụng thống nhất pháp luật trên thực tiễn.

c) Các Khoản 3, 4 quy định sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị định số 06 về Danh mục loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, trong đó bổ sung quy định mới về tiêu chí xác định loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.

d) Các Khoản 5, 6, 7, 11quy định sửa đổi, bổ sung các Điều 5, 8, 9 Nghị định số 06 về quản lý, bảo tồn và phát triển các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên; nuôi động vật rừng thông thường. Trong đó quy định sửa đổi các biện pháp bảo vệ, điều tra, đánh giá hiện trạng thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, nuôi động vật rừng thông thường; xử lý trường hợp động vật rừng xâm hại hoặc đe dạo tính mạng, tài sản của con người.

đ) Các Khoản 8, 9, 10 quy định sửa đổi, bổ sung Điều 10 Nghị định số 06 về quản lý và xử lý mẫu vật thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, trong đó quy định rõ các trường hợp xử lý đối với mẫu vật khi chưa tịch thu, mẫu vật sau khi tịch thu, mẫu vật do tổ chức, cá nhân giao nộp.

e) Khoản 12 quy định bổ sung về quản lý các cơ sở nuôi, trồng, cứu hộ, nghiên cứu khoa học, trưng bày, sưu tập các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, theo đó quy định các điều kiện thành lập và trình tự thủ tục đăng ký hoạt động cơ sở cứu hộ, trưng bày, sưu tập thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.

g) Khoản 13 quy định sửa đổi, bổ sung Điều 12 Nghị định số 06 về khai thác động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES. Trong đó, bổ sung một số quy định nhằm làm rõ trình tự, thủ tục khai thác mẫu vật động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES.

h) Các Khoản 14, 15, 16, 17, 18 quy định sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều 15, 16, 17, 18 Nghị định số 06 và các khoản 6, 7, 8, 9, 10 Điều 1 Nghị định số 84 về nuôi, trồng. Trong đó, bãi bỏ Điều 13, 14 của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP và bổ sung các quy định rõ ràng về điều kiện nuôi, trồng, trình tự, thủ tục đăng ký nuôi trồng, bổ sung quy định về cấp gia hạn, cấp đổi mã số cở sở nuôi, trồng.

i) Các Khoản 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28 quy định sửa đổi, bổ sung các quy định tại Mục 3 Chương III Nghị định số 06 và các khoản 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19 Điều 1 Nghị định số 84 về xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển và quá cảnh, theo đó quy định rõ về các điều kiện, trình tự, thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh các mẫu vật động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES; bổ sung thêm quy định về trình tự, thủ tục cấp đổi, cấp thay thế, cấp gia hạn giấy phép, chứng chỉ CITES, buôn bán với quốc gia không phải thành viên CITES; quy định về điều khoản miễn trừ đối với các trường hợp vật dụng cá nhân, gia đình, mẫu vật tiền công ước, mẫu vật hoàn chỉnh.

k) Các Khoản 29, 30 quy định sửa đổi, bổ sung về chế biến, kinh doanh, vận chuyển, cất giữ, tiêu thụ, quảng cáo, trưng bày sưu tầm mẫu vật. Theo đó, quy định rõ việc chế biến, kinh doanh, quảng cáo, trưng bày, tiêu thụ mẫu vật, các điều kiện vận chuyển, sưu tầm, cất giữ mẫu vật động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

l) Các Khoản 31, 32 quy định sửa đổi, bổ sung Điều 31, Điều 32 Nghị định số 06 và khoản 20 Điều 1 Nghị định số 84 về giám định và xử lý mẫu vật tạm giữ, sau tịch thu, tự nguyện chuyển giao.

m) Các Khoản 33, 34 quy định sửa đổi, bổ sung Điều 33, Điều 34 Nghị định số 06 về cơ quan thực thi CITES, gồm cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam và cơ quan khoa học CITES Việt Nam. Theo đó, bổ sung một số nhiệm vụ của cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam, phù hợp với các quy định của CITES.

n) Các Khoản 35, 36 quy định sửa đổi bổ sung Điều 35, Điều 36 Nghị định số 06 về xây dựng hạn ngạch xuất khẩu và các trường hợp thu hồi, từ chối cấp phép. Theo đó, quy định rõ ràng trách nhiệm xây dựng hạn ngạch xuất khẩu; các trường hợp thu hồi giấy phép, hình thức thu hồi, việc trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và các trường hợp được tạm dừng cấp giấy phép CITES.

o) Khoản 37 quy định sửa đổi Điều 37 Nghị định số 06 về Thống kê và lưu giữ mẫu vật các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES, trong đó quy định bổ sung việc xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý nuôi, trồng động vật, thực vật và dữ liệu về cấp phép CITES, dữ liệu vi phạm loài thuộc CITES.

p) Các Khoản 38, 39 quy định sửa đổi Điều 38, Điều 39 Nghị định số 06 về trách nhiệm của các cơ quan quản lý, cơ quan thực thi trong kiểm soát hoạt động nuôi, trồng, xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển mẫu vật động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES.

q) Khoản 40 quy định bổ sung một số biểu mẫu gồm Mẫu số 06 (Mẫu giấy phép CITES điện tử), Mẫu số 23 (Đơn đăng ký thành lập cơ sở cứu hộ/trưng bày/sưu tập thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm), Mẫu số 24 (Phương án cứu hộ/trưng bày/sưu tập động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm), Mẫu số 25 (Phương án cứu hộ/trưng bày/sưu tập thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm), Mẫu số 26 (Sổ theo dõi thực vật, động vật cứu hộ/trưng bày/sưu tập).

 ***2.2. Quy định bãi bỏ***

 Điều 2 quy định bãi bỏ 03 Điều, gồm Điều 13, Điều 14, Điều 19 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP.

***2.3. Quy định chuyển tiếp***

Điều 3 quy định trường hợp chuyển tiếp đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ đề nghị cấp mã số cơ sở nuôi, trồng trước ngày Nghị định này có hiệu lực, nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền giải quyết thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP.

***2.4. Về hiệu lực thi hành của Nghị định***

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Điều 3 quy định Nghị định có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký, dự kiến trong Quý I/2024.

***2.5. Quy định về trách nhiệm thi hành***

Điều 5 quy định cụ thể trách nhiệm thi hành Nghị định của các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

**V. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VỀ NGUỒN NHÂN LỰC, TÀI CHÍNH ĐỂ BẢO ĐẢM THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH; VIỆC LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

- Nội dung của dự thảo Nghị định có tính kế thừa nên về nhân lực, tài chính để bảo đảm triển khai thi hành Nghị định sau khi được thông qua, về cơ bản các cơ quan, tổ chức, cá nhân vẫn sử dụng nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực hiện hành.

- Quy định trong dự thảo Nghị định không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc các quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, thành phần xuất thân hoặc các địa vị khác; đảm bảo tính tương thích, không mâu thuẫn với các Điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp), không gây khó khăn, cản trở cho Việt Nam khi thực thi các điều ước quốc tế.

Trên đây là Tờ trình về Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

***Xin gửi kèm theo:*** *(1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị định; (3) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị định; (4) Báo cáo tổng kết thi hành Nghị định 06/2019/NĐ-CP và Nghị định số 84/2021/NĐ-CP; (5) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị định; (6) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách, (7) Bản đánh giá thủ tục hành chính.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);- Phó thủ tướng Trần Lưu Quang (để b/c);- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để b/c);- Bộ Tư Pháp (để thẩm định);- Văn phòng Chính phủ;- Vụ Pháp chế;- Lưu: VT, KL. | **KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Quốc Trị** |